

Nghi luận khai tâm, par P.
Luc,...

Luc, Pierre. Auteur du texte. Nghi luân khai tâm, par P. Luc,....
1923.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».

- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.
- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter utilisation.commerciale@bnf.fr.

8^e
INDO-CHINOIS

209

NGHỊ LUẬN

KHAI TÂM

par P. LỤC

in lần thứ ba



Imprimerie de QUINHON

(Annam)

✻ 1923 ✻

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

N^o 4092

Nom d'auteur

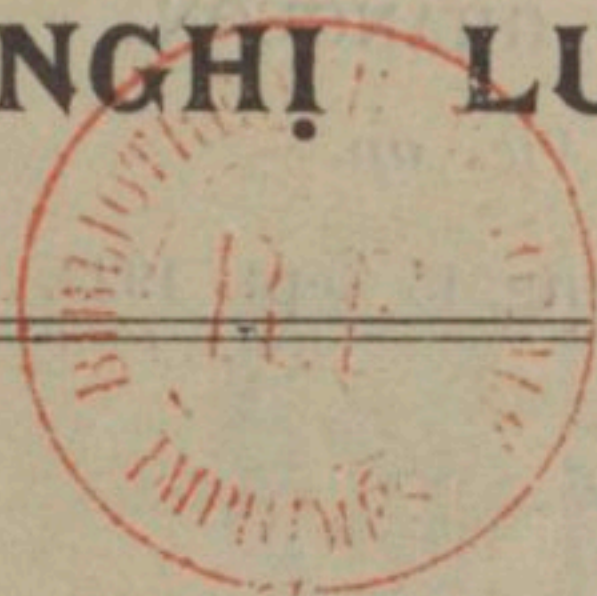
P. Luc

Titre de l'ouvrage:

Nghị Luận Khai

Tâm (Dialogue)

NGHỊ LUẬN



8° Ind-Ch.
209

IMPRIMATUR ;

† D. GRANGEON

Vic. ap.

Làng-sông, 15 Sept. 1923.

NGHỊ LUẬN

KHAI TÂM

par P. LUC

in lần thứ ba



Imprimerie de QUINHON

(Annam)

✻ 1923 ✻

(C.)

Mục lục

Lời bảo.....	5
1 — Ai sinh ra ta ?.....	7
2 — Có một Đấng cao cả.....	9
3 — Ta sống ở đời này làm chi ?.....	17
4 — Tánh Đấng Tạo hoá.....	24
5 — Người ta có linh hồn.....	33
6 — Các vì nước này thờ.....	40
Không-tử.....	41
Phật.....	49
Việc cúng quải.....	53
Về Tiền giấy vàng bạc.....	61
7 — Bài kết.....	67

Luận : Uý, cha ôi ! trò nầy lộng ngôn dữ be ! sao trò dám nói ông trời là khí ? Để Thầy giáo về đây tôi thưa, chắc trò sẽ phải bị phạt.

Nghị : — Nếu trò có hura, thì chắc Thầy giáo chẳng những chẳng phạt tôi, mà lại sẽ khen tôi nói nhằm nói trúng. Vì hôm trước tôi nghe Thầy giáo nói chuyện với quới chức rằng : để ít lâu nữa Thầy sẽ mua sách dạy về việc thiên văn, sẽ cắt nghĩa cho chúng ta biết các vầng tinh tú trên không, và biết khí bao phủ ta thế nào ; lại Thầy cũng nói trên không đó là khí mà thôi. Vả tôi cũng có nghe học trò nho nói : « *Khi chi khinh thanh thượng phù giả vi thiên* », nghĩa là khí thanh nhẹ nổi lên trên đó là trời ; nên tôi dám đoán chắc trời là khí mà thôi. Mà bởi khoản trống không lộng lộng rộng dài mình mông, thì con mắt ta thấy xanh xanh khum khum đó mà thôi, chẳng phải là ông nào đâu.

Vậy trời là khí thanh lộng lộng, thì là vật chẳng có trí tài, cũng như súc gỗ đá sắt mà thôi ; mà vật chẳng có trí tài, lẽ

nào sanh dựng được loài ta là vật có trí có tài?

Luận : — Trò nói vậy, chớ sao ta hằng nghe thiên hạ nói : « *nhờ trời, sống thác mặc ý trời* » ; có bị oan ức điều gì cứ trời mà van ?

Nghị : — Sự người ta quen nói quen kêu vậy, hoặc là lầm như trò mới nói hồi nãy, là tưởng ông trời là cái khum khum bao phủ trên không đó ; hoặc người ta nói vậy, thì hiểu ngầm Đấng cao cả ngự trên trời ; ví như trò đi ra gặp hể hỏi « *trò học trường nào* » ? Chúc ấy trò phải hiểu là có ý hỏi trò học với thầy giáo ngồi tại trường nào.

Lại như trò gặp lũ hàng xáo, trò hỏi nó mua lúa ai ? Nó thưa : « *mua lúa nhà kia* », ắt trò phải hiểu mua lúa của chủ nhà kia, chớ cái nhà nó có bán lúa được đâu ? Vậy ta nói : *nhờ trời*, thì phải hiểu là nhờ Đấng ngự trên trời.

Luận : — Trò nói nghe cũng có ý găm, mà trò tưởng ai sanh ra loài người ; trò nói nghe thử na ?

Nghị : — Tôi tin chắc phải có một Đấng

cao cả ngự trên trời ; Đấng ấy sanh dựng mọi vật mọi loài. Ước trò có tin lời tôi nói đó chẳng ?

Luận : — Để nghĩ coi đã.



II. — Có một Đấng cao cả sanh dựng mọi loài.

Nghị : — Trò nói để nghĩ coi có tin được lời tôi nói : « có một Đấng cao cả sanh dựng mọi vật, mọi loài » ; mà trò nghĩ đã ra chưa ?

Luận : — Trò ơi ! tôi nghĩ sao bắt lờ mờ, chưa ra lối gì. Trò có tài hay nghe lóm, trò có biết, nói nghe chơi.

Nghị : — Vốn tôi cũng hay nghe lóm học mót ; nhưng mà trong việc nói đây, lấy trí mà suy cũng hiểu được. Giả tỉ như vậy : Ta cầm cái tập nhỏ này, mà đọc chơi, nếu ta suy, tức thì ta biết chắc có ông nào đã đặt ra mới có cho ta coi đây, không lẽ tự nhiên mà có cái tập. Lại như ta cầm cây bút mà viết, ta tin chắc rằng :

đã có thợ nào làm ra mới có cây bút, không lẽ tự nhiên mà có.

Cũng một lẽ ấy, ta thấy trời đất muôn vật muôn loài ; trên thì có mặt trời mặt trăng cùng tinh tu ; dưới thì có loài người cùng các thú vật, núi sông, cây cối hoa quả, v. v... Ất ta phải tin chắc rằng : phải có một Đấng nào cao cả đã gây dựng mới có mọi sự như vậy, không lẽ tự nhiên mà có đâu. Trò hiểu chưa ?

Luận : — Trò nói nghe cũng phải, vì không lẽ khi không mà có cái tập nầy, hay là cây bút nọ, chắc phải có ai đặt ai làm mới có. Vậy việc trời đất muôn vật, là điều lớn lao đồ sộ, lẽ nào có một Đấng gây dựng cho xong, Đấng nào lại tình như thế ?

Nghị : — Ý trò muốn nói : việc dựng nên mọi sự, là việc cả thể, sức một Đấng làm không nổi, phải chăng ? Trò chớ nghĩ vậy, để tôi nói tỉ cho trò nghe : giả như cái tập nhỏ nầy, dạy những việc tầm thường, thì ta biết ông đặt nó ra cũng là kẻ tầm thường ; bằng ta thấy sách vở dạy những điều cả thể, chắc ta rằng : kẻ đặt sách đó là người tài trí. Vậy ta thấy cả và

thế gian cũng như một quyển sách rất lớn rất hay ; ắt ta cũng phải quyết chắc : Đảng sắp đặt đó là Đảng cao cả phép tắc tài trí vô cùng làm mới được.

Vả như một người tài trí còn đặt được nhiều sách, huống lựa Đảng cao cả phép tắc vô cùng, mà không thể không sức dựng nên các việc dưới đất này sao ?

Luận : — Vậy trò nói Đảng cao cả ấy, thì có một hay sao ?

Nghị : — Thật thì phải có một mà thôi. Vì hễ Đảng nào ta gọi là cao cả trên hết mọi sự, thì tự nhiên ta phải tin chắc là có một, không lẽ mà hai, hay là nhiều hơn. Ví dụ : ta thấy cái nhà có lẽ nghi, phép tắc, mọi việc trong nhà, có thể thức thứ tự, ắt ta tin chắc trong nhà có một ông chủ sửa sang sắp đặt mọi điều ; bằng hai ông chủ hay là nhiều hơn, ắt nhà ấy loạn hàng thất thứ, mất lẽ nghi, vì chủ này sắp đặt thế này, chủ khác sắp đặt thế khác. Vậy như trong trời đất có hai hay là nhiều Đảng quản trị, ắt thế gian phải khốn, vì một Đảng muốn mặt trời mọc phía đông, còn Đảng khác lại muốn

thế khác thì làm sao? Âu là lộn xộn hoài. Mà mọi sự ta thấy trong thế gian cứ một thứ tự luôn, bốn mùa tám tiết xây đi vẫn lại hoài, ắt thì có một Đấng cai quản mà thôi.

Vã như có hai Đấng cao cả, thì cả hai bằng nhau, hay là Đấng sang hơn, còn một Đấng hèn hơn? Như có đấng hèn hơn, thì Đấng ấy sao được là cao cả? Nếu bằng nhau, thì cả hai cũng không gọi được là cao cả, vì có kẻ bằng mình.

Luận: — Ta lấy trí mà luận suy mới biết có một Đấng sanh dựng mọi sự; chỉ như dân ta phần nhiều có nghĩ đến đâu hè? Nhiều kẻ tưởng mọi sự tự nhiên mà có.

Nghị: Thật phần nhiều trong dân ta không lấy trí mà suy cho biết sự ấy; quả là đáng tiếc; nên ta phải bày phải chỉ cho anh em chúng bạn với ta, dặng nó về nó nói lại cho cha mẹ nó rõ, thì cũng là việc hay; hoặc sau nó lớn khôn cũng sẽ bày cho con cháu nó, như có tích bà kia thế này:

Có bà kia sanh được đứa con; lớn khôn cho đi học cũng như ta đây. Ngày kia bà ấy hỏi con rằng: « ai sanh dựng mọi loài mọi vật? »

Con rằng : « Mọi vật tự nhiên mà có, chớ ai sanh dựng đâu mà hỏi ? »

Mẹ rằng : « Con nói quấy ; phải có Đấng sanh dựng nên mới có ; chớ tự nhiên mà có mọi sự sao được ? »

Con rằng : « Mẹ là đờn bà, có biết đâu sự ấy, con đi học sách vở bọn đây, mà có thấy sách nào nói có Đấng dựng nên mọi sự ? »

Bà mẹ làm thinh ; đến chiều thẳng con đi học về thấy mẹ đang ngồi may, còn trong bếp lạnh tanh ; anh ta chạy kiếm cơm tảo tác, mà vắng hoe ; chừng mới vô thưa mẹ rằng : « Cơm, mẹ ? »

Mẹ rằng : « Con đợi chút nữa coi đã. » Con xớ rớ một chập xót ruột quá ; lại chạy vào hỏi mẹ : « Sao nay mẹ không nấu cơm ? »

Mẹ rằng : « Cần chi phải nấu ? Con đợi chút nữa tự nhiên có cơm, cho con ăn chớ ? Trong mấy cuốn sách con học đó có cuốn nào nói : Phải nấu, mới có cơm chăng ? »

Thẳng con mới hiểu việc mình đã nói quấy hồi sớm mai ; bèn thú lỗi.

Bà mẹ liền rằng : « Hỡi con, kia gạo có

sẵn rồi, mà không ai nấu thì không có cơm ; phương chi đang khi không chưa có mọi sự, mà tự nhiên có làm sao được ? Âu là phải có một Đấng cao cả đã gây dựng, thì mọi sự mới có chớ, hử ? Con chịu điều ấy chăng ? »

Con rằng : « Mẹ nói phải, con xin thú lỗi hồi mai, xin mẹ nấu cho con ăn, kéo đói lắm ! »

Luận : — Hả hả hả ! phải chi tôi về nay mà mẹ tôi có hỏi như vậy, chắc tôi giải thông ; mẹ sẽ cho ăn cơm liền.

Nghị : — Như mẹ trò có hỏi và trò giải tử tế, thì chẳng những sẽ cho trò ăn cơm, mà lại cho thêm tiền để ăn bánh nữa !

Luận : — Nếu cha mẹ cho tôi tiền, tôi chẳng thèn ăn bánh, tôi để tôi mua sách mà học cho nên thông thái mà thôi.

Nghị : — Vậy thì càng tốt. Mà nay ta nói chuyện cũng đã nhiều, thôi để bữa sau ta sẽ nghị luận cùng nhau về điều khác nữa.

Luận : Phải, trò hãy về bình an, bữa sau ta sẽ tụ.

III. — Ta sống ở đời này làm chi ?

Nghị : — Hôm trước ta đã nghị luận với nhau rằng : « Có một Đấng cao cả phép tắc vô cùng sanh dựng mọi loài mọi vật. » Nay ta hãy bàn về việc khác. Vậy tôi dám hỏi trò : « Chớ ta sống ở đời này làm chi, hè ? »

Luận : — Chả, hôm nay trò mở hỏi cái điều mới ngộ cho chớ ! Nhưng mà tôi giữ thế, chẳng trả lời vội cho trò bắt bẻ như bữa hôm đâu. Để tôi phân từng thứ lớp, mà trả lời cho trò cứng miệng hết hỏi xả quay.

Nghị : — Được, nếu trò phân giải cho nhằm lẽ, thì tôi chịu phục liền, có dám cãi đâu ! vậy xin trò giải.

Luận : — Trong loài người thì có nhiều hạng, nhiều bậc ; kẻ làm vua quan, người làm dân dã ; kẻ ăn học, người làm việc nông lang ; kẻ bán buôn, người làm thầy, làm thợ, v. v...

Vậy mọi bậc người đều có bổn phận riêng, ai nấy phải chuyên lo theo duyên

phận mình ; mà sự lo chuyên theo bốn phận làm vậy ; thì có ý cho được hai điều này là : « DANH LỢI. »

Vả ai ai cũng trông cả hai điều ấy, nhưng có kẻ được danh, mà không được lợi ; và có kẻ được lợi, mà vô danh ; mà chủ ý ai cũng màng hai điều ấy.

Ấy vậy, ta sống ở đời này chủ ý là cho được hai chữ « DANH LỢI » mà thôi. Trò chịu chưa ?

Nghị : — Trò nói mỗi người ở đời đều có bốn phận ; ai ai cũng phải chuyên cần bốn phận mình ; cái đó tôi chịu. Còn sự trò rằng : mọi người chuyên lo theo bốn phận, thì có ý cho được hai sự là : « DANH LỢI » ; điều ấy tôi xin hỏi lại cho rõ hơn, nếu trò giải trúng lý tôi mới chịu.

Vậy xin trò cắt nghĩa hai chữ « DANH LỢI » nghĩa là gì ?

Luận : — Cha chả ! Trò hay giấu lắm be ! Lẽ nào dốt đến nỗi không hiểu chữ DANH chữ LỢI nghĩa là gì ! nè, hãy nghe : danh là chức cả quyền cao ; danh là được ăn trên ngồi trước, danh là khỏi ai khinh khi, nhạo báng, v. v., rõ chưa ?

Còn lợi là : phú túc, sung mãn, nhiều tiền nhiều lúa, sung sướng nhàn thán : khỏi nợ khỏi nần, ăn no mặc ấm v. v., hiểu rồi đó, hử ?

Vậy ý tôi nói : ai ai ở đời cũng cầu cho được hai sự ấy, thì thật nhằm : vì như ta ăn học đây có ý gì ? chắc là có ý cho thông chữ ngãi sau được ăn trên ngồi trước, khỏi người ta khinh khi, v. v., ấy là ta trông cho được chữ danh. Còn như trồng cây, vác cây vác cuốc ra đồng, nó có ý gì ? Chắc nó trông chữ lợi, là trông cho có lúa có tiền, khỏi nghèo khỏi đói, v. v. Vậy việc tôi nói đó nhằm lý chằng ?

Nghị : — Trò nói hay, song tôi chưa phục lý ; vì việc danh lợi trò kể đó là việc phù vân chóng qua chóng mất, dầu ta hưởng nó một ít lâu ở đời, nó cũng chẳng làm cho ta được an lòng toại chí đâu, Vì như kẻ làm quan, cũng phải lầu đầu lo lắng đêm ngày, sợ bị tội, sợ mất chức, sợ dân không phục, v. v. ; kẻ làm chức việc trong làng, cũng âu lo việc xâu vụ thuế, rủi bê trễ mà phải quan hành hà ; người giàu có những lo thức nửa đêm giữ gìn

kẻ trộm, dậy gà gáy đánh thức trai bạn đi làm kéo ruộng khô mạ uá, v. v. Nào danh lợi đó có ích gì mà ta trông cho lắm?

Vã dầu ta ở đời này được chức cao quyền cả, ruộng mẫu trâu đôi, lúa thóc tiền bạc đầy kho, mà khi ta chết rồi, mọi sự sẽ về tay kẻ khác, nào có ích gì cho ta? Vậy ta sống ở đời, chuyên cần cho được nó làm chi?

Bởi đó, tôi tưởng chắc rằng: ta sống ở đời, phải làm việc bốn phận chủ ý cho được điều chi quý hơn cái danh lợi trò mới kể đó nữa kia.

Luận: — Nói như trò vậy thì ta phải ném sách trả cho Thầy giáo, đừng học nữa hay sao? Vì ta học đây có ý cho sau ta được thông thả, được làm lớn, khỏi ra tay vác bời thui trâu, như mấy đứa dân dốt nát, mà trò nói không phải ý đó, thì học làm chi?

Nghị: — Không phải vậy, ta phải học vì là bốn phận ta, song ta phải có ý học cho biết sách vở, cho thông chữ nghĩa, mà luận xét lý sự cho rõ điều nên lẽ phải, mà ăn ở cho xứng bậc ta, chỉ như sau ta

có được làm lớn hay là phải làm dân dã, thì hề gì? Ở bậc nào mà an phận, cũng là nên, có sao đâu?

Luận: — Vậy ta sống ở đời này làm chi, trò nói tôi nghe thử?

Nghị: — Tôi nghĩ rằng: ta đã biết có một Đấng đầu cội rễ đã sanh dựng nên ta, ắt ta phải khâm sùng kính mến Người trên hết mọi sự. Vì như cha mẹ sanh đẻ ta ra, cùng nuôi dưỡng ta cho đến khôn lớn, thì lẽ tự nhiên buộc ta phải thương yêu vâng lời, cùng giúp đỡ và biết ơn cha mẹ.

Vua quan có công trị nước, gìn giữ ta khỏi kẻ nghịch thù, thì luật tự nhiên buộc, ta phải cung kính tuân lệnh truyền. Vậy chính Đấng đã sanh dựng nên ta cùng mọi sự cho ta hưởng nhờ ở đời này, thì càng cao trọng hơn vua quan cùng cha mẹ ta ngàn trùng, lẽ nào ta không tôn kính phượng thờ?

Bởi đó tôi định quyết rằng: Ta sống ở đời này bao lâu, phải mến yêu thờ phượng Đấng tạo hoá muôn vật bấy lâu; ấy là chính việc ta phải làm trước hết,

cùng làm hết lòng hết sức ta. Ước trò có hiểu không?

Luận : — Trò nói cứ theo lý sự nghe cũng được, song mắt mỗ lắm, không phải dễ hiểu đâu, vì phải suy sết cho biết Đấng trọng vọng thể nào; và lo thờ Ngài làm vậy, có được ích gì chẳng? Chớ như việc tôi nói trước: là ai ai ở đời phải lo cho được danh lợi, thì dễ hiểu và mắt thường thấy thiên hạ làm hằng ngày, lại cũng có ích cho ta chắc chắn.

Nghị : — Trò ơi! Về sự Đấng phải kính tôn thờ phượng đó cao trọng thể nào, và sự thờ Ngài làm vậy có ích lợi gì chẳng, ta để bữa sau sẽ bàn định suy sết với nhau, còn sự trò nói: việc danh lợi thấy nhãn tiền ở thế là điều dễ hiểu, và thiên hạ hằng đua tranh, thì trước tôi đã nói thoáng qua: danh lợi đời này là phù vân, nay còn mai mất, muốn giữ nó cũng là nhọc nhằn áy náy; mà khi ta chết rồi, nó về tay kẻ khác, chẳng còn nhờ được.

Ta đừng bắt chước thằng kia như truyện sau này;

Có hai anh em con quan kia, đem nhau đi coi hát, đến rạp hát thẳng nhỏ thấy chung những bông hoa thơm tho, thì trăm trồ, ngửi bông này, nôi hoa nọ; khi thấy bạn hát ra làm tuồng ăn mặc kiêu lạ, ngồi đứng rất sang, râu ria xồm xàm, mặt có răn có rục; một đũa kêu, năm bảy đũa ứng dạ rân cả rạp; nói ra một lời, thiên hạ vỗ tay cười inh ỏi: thẳng nhỏ bèn mê say, mắt ngó quên nháy, miệng khen không ngớt; đoạn lại nói với anh rằng: « Đây thật là nơi rất đẹp rất vui, mấy ông đó rất sang trọng; thôi, để tôi ở lại đây cho sướng, tôi theo mấy ông đó sẽ được sang: kêu dậu, chúng dạ đó; ăn mặc đồ quý giá, ngửi chơi bông hoa phỉ chí .. »

Anh rằng: « Em khờ quá; ta là con quan sang trọng hơn lũ đó ngàn trùng; nhà ta báu hơn cái rạp này trăm bạc, chớ em? »

Em rằng: « Anh khéo nói thê! Anh khờ, chớ ai khờ? »

Anh rằng: « Thôi, để chút xế chiều đây em sẽ rõ. »

Đến xế chiều các bông hoa héo queo cả, thiên hạ rút về lần lần trống rạp, ngó

xơ xải đòi nơi, bọn hát còi lột ra, ngo thẳng nào thẳng nấy nước da đen sì, quần áo len ten nhóp dơ góm cầy.

Chứng anh mới chỉ cho em : « Nọ, em mnồn ở đây và theo mấy tên đó nữa không ? »

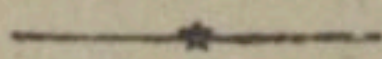
Em lắc đầu mà rằng : « Ồi ! thôi thôi, chẳng thềm, ngo góm quá ! Hồi mai khá, mà bây giờ ngo xấu lắm. Thôi đi về rảnh, anh ! »

— Ấy sự vinh hoa tước lộc của cái đời này tôi định cũng như cái rạp hát và quân làm tuồng đó mà thôi, trò ôi ! Vậy ta là kẻ biết nghị luận, tội tình chỉ ham việc phù vân ?

Luận : — Trò nói nghe lâu cũng thấm tháp ; thôi, đề bữa sau ta sẽ xét về Đấng tạo hoá cần khôn là thể nào.



IV — Tánh Đấng Tạo hoá thể nào ?



Luận : — Bữa trò nói có một Đấng tạo hoá cần khôn, mà tôi quên hỏi : ai đã sanh ra Đấng ấy ?

Nghị : — Trò khéo hỏi cất có thì thôi,

mà ! Hễ là Đẳng tạo hoá vạn vật, thì là Đẳng trọng vô cùng ; còn có ai trên hay là trước nữa mà sanh ra Đẳng ấy ? Cũng như chữ nhứt là số một, thì là số đầu sanh ra các số khác, trăm ngàn ức triệu, v. v.. Vậy trên số một chẳng có số chi được nữa ; thì cũng một lẽ ấy trên hay là trước Đẳng làm đầu cội rễ mọi sự, chẳng có đấng nào vì nào được nữa.

Luận : — Đẳng tạo hoá thì cao trọng vô cùng làm vậy, mà ta có xét được bản tính Ngài chăng ?

Nghị : — Vốn ta còn nhỏ ăn học ít, trí lực non, mà ta muốn xét bản tánh Đẳng cao cả vô cùng, thật thì chẳng đặng ; cũng như thẳng ăn mày ở xứ núi non dốt nát muốn biết việc đức vua ở tại kinh đô thể nào, thì không khi nào nó biết được. Nhưng vậy ta lấy trí mà xét, được chừng nào cũng rán mà xét. Vậy tôi quyết chắc rằng : Đẳng tạo hoá *tốt lành vô cùng ; phép tắc vô cùng ; nhơn từ và công bình vô cùng.*

Luận : — Oả ! Cái chi cũng vô cùng hết sao trò ?

Nghị: — Phải; phàm Đấng tạo hoá vạn vật thì có mọi tài năng phép tắc và tánh linh vô cùng mới phải, vì Ngài là đầu cội rễ cùng là cao trọng hơn hết mọi sự.

Luận: — Đấng tạo hoá tốt lành vô cùng là làm sao?

Nghị: — Là gồm no đủ mọi điều: đẹp dễ vô ngần, qui báu ngàn trùng, sung mãn, phú quới không lấy gì sánh kịp, mọi trân châu vàng bạc dưới đất sánh cùng sự tốt lành Đấng tạo hoá bèn là không mà thôi. Vì Ngài là gốc là mạch sanh ra mọi sự báu tốt đời này, nên được trời xa hơn hết các sự châu báu. Ví dụ như sự sáng mặt trời đứng ngọ, thì hơn sự sáng đèn đuốc, cũng một lẽ ấy Đấng tạo hoá phải tốt lành hơn hết mọi sự tốt khác.

Luận: — Trò nói Đấng tạo hoá tốt lành làm vậy, chớ sao lại sanh dựng nhiều loài dị kỳ như rắn rít, hung bạo như hùm beo, và nhiều thứ nhiều hại ta như thế?

Nghị: — Thường lẽ có cái xấu, mới rõ cái tốt; có cát sỏi sạn hèn, mới lấy ngọc

vàng là báu : nếu đâu đâu cũng là ngọc là vàng, không sỏi sạn chì thiếc, thì có báu tốt chi ? Cũng như thợ vẽ, muốn cho cái hoa cái lá ngó tươi tốt, thì phải vẽ nét đậm lột nét bóng, mới giời cái bông cái lá ra coi cho đẹp ; cũng một lẽ ấy Đẳng tạo hoá sanh dựng các loài hèn vật dị kỳ, hầu giời các vật quý trọng cho ta biết đó là báu.

Vả ta chẳng rõ bản tính các vật cho đủ hết, nhiều thứ coi hèn mà nên ích trọng cho ta ; hoặc để ăn, hoặc để làm thuốc, hoặc để nuôi vật khác ; ví dụ ta có xỏ cái đồng hồ mà coi, thì thấy các máy chẳng giống nhau : cái thì tròn, cái thì vuông, cái thì queo, cái thì cong, cái lại răng cưa, v. v.. Nếu ai thấy vậy mà chê rằng : tên thợ làm bá láp ; ắt ta tức cười và chê nó là đũa dốt, vì ta biết rằng : cái nào cũng có ích, có công việc cả.

Luận : — Còn phép tắc vô cùng làm sao ?

Nghị : — Là có tài năng muốn sanh dựng vật gì, liền được tức thì : muốn dựng nên thế gian, muốn phá cho tuyệt,

muốn cho ai sanh ra, muốn cho ai chết, thì ở tại phép tắc Đấng tạo hoá, chẳng ai ngăn trở được.

Luận : — Vậy nếu Ngài muốn dựng thêm vài thế gian này nữa, được không ?

Nghị : — Sao lại không được ? Ngài muốn dựng thêm mấy cái thế gian vậy nữa, thì có khó gì ? Hễ muốn, liền được tức thì.

Luận : — Ý chà, trò nói ngộ chớ ? Vậy sao Ngài không dựng thêm ít cái thế gian nữa, hè ?

Nghị : — Sự ấy là mặc thừa ý Ngài, ta là loài nhỏ mọn, biết đâu đến ý cao trọng Ngài ? Mà hoặc Ngài có dựng năm bảy cái thế gian vậy nữa, thì trò có biết, có thấy được không ? Vì trò xó rờ nội dưới đất này, làm sao mà thấy chỗ khác được ?

Luận : — Còn Đấng tạo hoá hơn từ vô cùng là làm sao ?

Nghị : — Là Ngài có lòng thương giúp ta vô hồi. Vả lòng hơn từ quảng đại thì tại sự tốt lành mà ra ; cũng như sự nóng bởi lửa mà có ; hễ lửa nhiều thì nóng hung ; vậy Đấng tạo hoá có sự tốt lành vô cùng,

thì cũng có lòng lân mẫn hay thương ta vô cùng.

Luận : — Như Đẳng tạo hoá hơn từ , hay thương xót ta vô cùng, có chi để ta lâm khốn hoải ? Nè, trò coi : kẻ thì nghèo đói, người tật bệnh, trong trường ta cũng có đứa tối mò, bị Thầy giáo quở phạt hằng ngày ; trò giải sao ?

Nghị : — Vốn Đẳng tạo hoá thượng trí vô cùng, sắp đặt mọi điều tự ý Ngài, ta chẳng hiểu rõ được ; kẻ thì Ngài cho giàu có, sức mạnh sáng trí, v. v. người lại nghèo khổ, tật nguyên, u muội, v. v. Nhưng vậy người ta ở đời có kẻ tốt người xấu, kẻ ăn ở nết na, đức hạnh, v. v., người thì hoang đàng, nãm ác, v. v. ; nên Đẳng tạo hoá một hai khi dùng sự tai ương đời này, mà phạt tội nó.

Cũng như cha mẹ thấy con lỗi, thì đánh đòn, bắt phạt, cho nó chừa nết xấu.

Luận : — Còn sự công bình vô cùng, nghĩa là gì, trò ?

Nghị : — Nghĩa là Đẳng tạo hoá hay thưởng công, phạt tội rất nhằm, rất đích đáng, chẳng thiên tư tây vị ai chút nào.

Luận : — Hả hả ! chuyện này trò khó gỡ với tôi rồi chắc. Hồi này trò nói : Đấng tạo hoá dùng tai ương mà phạt những đứa nãm ác hoang đảng, như cha mẹ lấy roi trị con có lỗi ; bây giờ trò nói : Đấng ấy thưởng công phạt tội rất đích đáng, chẳng thiên tư tây vị ai. Vậy chớ sao ta thường thấy mấy người hiền lành, nết na, đức hạnh, v. v. thì những bị khó nghèo, tật bệnh, chết yểu, v. v. Còn mấy tên hoang đảng, xác xược, ở gian ngược, treo cổ chó, thắt cổ mèo, v. v. lại giàu sang sung sướng, toại chí phỉ tình, không tật bệnh, chẳng âu lo chi cả, cái đó trò mới giải làm sao ?

Nghị : — Uý ! trò tưởng điều ấy khó giải lắm sao ? Dễ lắm, trò ơi ! nể, trò hãy xét : Đấng tạo hoá thì phép tất vô cùng, vô thỉ vô chung hằng có đời đời ; nên Ngài muốn thưởng kẻ lành thì để đời sau sẽ thưởng đời đời ; còn có phạt kẻ xấu kẻ tội lỗi, thì cũng để mà phạt đời sau đời đời mà thôi ; còn đời này là đời tạm chóng qua : Ngài có dùng tai ương đời này mà phạt, thì cũng là phạt tạm cho sợ

mà sửa mình, và có cho sung sướng giàu có ở đời này, thì cũng là thưởng tam phần xác ở đời này mà thôi, chớ chưa phải là phép công bình vô cùng. Ngài thưởng phạt cho thiệt đâu; vì thưởng phạt cho công bình vô cùng là đời sau, gà : là khi chết đoạn, sẽ có thưởng kẻ lành đời đời, phạt kẻ dữ cũng đời đời, ấy là *thiện ác đáo đầu chung hữu báo*.

Vả kẻ lành đời này, dầu ăn ở trọn lành thể nào cũng còn tí ố chút đỉnh, nên Đẳng tạo hoá phạt sơ nổ tí ố đó cho rồi, đặng đời sau thưởng cho trọn. Còn bọn năm ác bất nhơn trò nói đó, dầu nó xấu bậc nào mặc lòng, nó cũng có làm một hai chút nhơn, chớ không không, nên Ngài cho nó hưởng một hai chút phước phù vân đời này mà thưởng nó, đặng đời sau phạt tội nó cho cân xứng vô cùng.

Luận : — Chả ! trò nói cái mới mắt mỗ cho chớ ? Mà bữa nay ta nói chuyện đã lâu quá, thôi để bữa khác tôi sẽ cải lại chuyện trò mới nói đó.

Nghị : — Được ; để bữa sau trò muốn

bắt bẻ điều ấy thế nào, tôi sẽ liệu; nếu tôi giải không xong, thì tôi sẽ hỏi Thầy giáo xin giải giùm. Vả ta còn nhỏ, mà bàn luận xét với nhau về tính Đấng tạo hoá, là việc quá trí ta, song ta có trí chùng nào, ta giải với nhau chùng ấy.

Tôi sợ giống như chuyện ông kia bữa Thầy giáo thuật :

Số là có ông hiền hơn kia thông minh lắm, ông hay chép sách dạy người ta việc phong hoá; bữa ông lại nghĩ đến việc Đấng tạo hoá trên trời, ông muốn xét cho biết bản tính Đấng ấy cho rõ, đang chép sách dạy người ta cho biết.

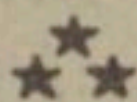
Vậy ông thỉnh thoảng dạo chơi ngoài mé biển, lòng ngấm nghĩ xét suy; song càng xét càng mờ mịt; tình cờ ông gặp một trẻ nhỏ đang moi cái lỗ nhỏ trên bãi, rồi lấy ngao múc nước biển, đổ vào lỗ mà chơi. Ông ấy đứng lại coi thằng nhỏ chơi cái gì kỳ cục; và hỏi rằng: « Em nhỏ nhỏ, em chơi cái việc gì đó? »

Thằng nhỏ rằng: « Thừa ông, cháu có phải chơi đâu? Cháu quyết làm một việc cả thế, là cháu muốn múc hết nước biển mà đổ trong lỗ này? »

Ông hiền hơn nghe vậy, bèn mỉm cười mà rằng: « Cơ khổ! em nói có trêu chi như thế? Nọ biển bao to chứa nước nhiều ít? Còn cái lỗ đó bao lớn mà em chứa cho hết nước biển? »

Ông hiền hơn nói bấy lời, bèn thấy con trẻ biến đi mất.

Chứng ông mới hồi tâm lại, mà nghĩ rằng « Âu là Đấng tạo hoá sai thần đồng xuống dạy mình cho biết: chớ trông rõ được tánh cực cao cực trọng Ngài; vì trí mình hẹp hòi như cái lỗ nhỏ; còn Ngài là như biển mình mòng, không khi nào hiểu cho hết và cho rõ được. »



V. — Người ta có linh hồn
hằng sống.

— 0 —

Luận: Trò Nghi ơi, bữa trò nói Đấng tạo hoá để dành đời sau sẽ thưởng kẻ lành, phạt kẻ dữ đời đời, tôi về ngâm nghĩ bắt tức cười. Có khi trò quên cái

câu thiên hạ nói : *chết rồi mọi sự hết rồi ; hết ăn hết nói, hết đời ra không.*

Hê người ta chết rồi thì thôi, còn chi nữa đâu mà lãnh thưởng chịu phạt, hồi trò ?

Nghị : — Cái câu người ta ca đó, trò hiểu sai xa lắc đi, trò ơi ! nghĩa câu ấy như vậy : là người ta chết, thì từ bỏ mọi sự dưới đất này hết thảy, chẳng đem theo được vật gì sót ; dầu của cải, chức quờn. danh tiếng, dầu vợ con, điền viên, gia sản, v. v. thảy đều phải sạch mà đi hai tay không ! chớ chẳng phải là biến ra không đâu ?

Trò cũng thường nghe mẹ khóc con chết rằng : Sao con bỏ mẹ mà đi ? Và con khóc mẹ chết cũng rằng : Sao mẹ bỏ con mà đi ? v. v...

Vậy có sao nói rằng : *đi*, mà chẳng nói rằng : *biến* ? Ấy là mọi người đều tưởng kẻ chết là kẻ đi qua kiếp khác, chẳng phải là biến mất đâu.

Bởi đó chắc rằng : người ta chết phần xác hết ăn, hết nói, v. v... song cũng còn cái gì đó chưa mất tuyệt đâu.

Luận : — Vậy trò tưởng kẻ chết rồi
hãy còn cái gì nữa sao ?

Nghị :— Tôi quyết chắc rằng : mỗi người
có linh hồn là tính thiêng liêng ở trong
xác ; lại bởi linh hồn có tính thiêng liêng
thì không hay chết được ; nên khi xác phải
chết, thì linh hồn còn sống luôn ; mà
bởi không ở với xác được nữa, thì nó phải
đi qua kiếp khác ; cho nên người ta than
khóc kẻ chết rằng : *bỏ mà đi*.

Luận : — À à ! bộ trò có học sách các
thầy chùa chắc ; vì tôi có nghe họ nói các
thầy chùa tin người ta chết rồi, hồn nhập
vào người khác, hoặc vật khác, như chó,
heo, mèo, chuột, v. v. mà lộn lại kiếp
khác, phải không ?

Nghị — Không phải vậy đâu ; tôi nói
người ta có linh hồn ở với xác, mà khi
xác chết, thì linh hồn đi qua kiếp khác,
nghĩa là đi qua đời khác, nơi khác hằng
có đời đời kiếp kiếp, cho được lãnh phần
thưởng hay là chịu phần phạt, tùy việc
mình đã làm khi còn ở thế này.

Còn sự lộn lại kiếp khác, là nhập vào
xác người khác, hay là vật khác, là việc

phi lý, các thầy chùa bày đặt, có nhằm đâu !

Luận : — Cha chả ! trò nói cái điều tôi chưa chip ý được. Vậy cái linh hồn là cái gì ?

Nghị : — Linh hồn là một vật thiêng liêng Đấng tạo hoá dựng nên để ở cùng xác người ta, làm chính tính người ta, cho ra khác loài vật : là biết suy, biết xét, biết bàn bạc, biện phân việc chánh lẽ tà, v. v...

Vì các loài vật dưới đất này, hoặc có sanh hồn, là hồn làm cho nó lớn lẫn, cùng trở sanh bông trái, như cây cối, bắp đỗ, v. v. : thứ hồn ấy bởi thấp khí mà ra, nên hể khí khô, hồn mất. Hoặc có giác hồn, là hồn các thú vật, biết động, biết đau, biết đói, và sanh sản theo loài nó, như heo, chó, trâu, bò, cùng các loài cầm thú thấy thấy : thứ giác hồn này thì bởi khí huyết mà ra, cùng nương theo vật, hể vật còn, thì hồn nó còn, mà vật ấy chết, thì hồn tan mất.

Chỉ như linh hồn là hồn thiêng, là hồn riêng loài người gồm đủ sanh hồn giác hồn, lại hay suy xét biết việc tội phước

cùng đoán luận điều lành việc xấu, v. v., nên trọng hơn các vật.

Luận : — Những lẽ gì làm chứng ta có linh hồn ?

Nghị : — Cứ những lẽ này thì rõ người ta có linh hồn :

1 — Là ta thấy xác kẻ chết cũng có tay chơn, con mắt, miệng lưỡi, v. v., cũng như xác kẻ còn sống, mà có sao xác kẻ chết thì chẳng cựa quậy, đi đứng, ăn uống, chẳng nói năng, bàn luận sự phải trái, hơn thua ? Ấu là trong xác kẻ chết chẳng còn có tính linh ở với nó.

2 — Các loài cầm thú lo cho xác nó ấm no thông thả mà thôi ; còn loài người ta lo bề đức hạnh, nết na, nhơn nghĩa, mà nhiều phen muốn cho được cái điều ấy thì nhọc thân hại xác, là vì có chi ? Ất là ta có tính linh là linh hồn trời hơn trọng hơn thú vật.

3 — Là nhiều khi ta muốn điều nọ việc kia, song lương tâm ngăn ngừa trách móc, vì đoán là việc chẳng nên ; ấy là tại đâu ? Thật bởi ta có linh hồn biết suy điều nên việc trái, v. v.. Cũng còn hiếm lẽ làm

chúng ta có linh hồn ; song nói bấy nhiêu trò chíp ý được chưa ?

Luận — Trò nói tôi nghe cũng phải, song còn ngại điều này : là nỏ trẻ nhỏ mới sanh, và mấy kẻ điên cuồng bệnh hoạn, nó chẳng biết suy lượng bàn bạc chi, cũng chẳng ham việc nhơn nẻo đức nào. Vậy lũ đó chẳng có linh hồn hay sao ?

Nghị — Vốn nó có linh hồn cũng như kẻ khác ; song vì Đấng tạo hoá phú linh hồn hiệp với xác, đặt dùng ngũ quan tứ thể mà làm việc theo tính loài người ; cũng như thợ dùng đục mà chạm cây, học trò dùng bút mà viết chữ ; vậy mấy linh hồn ở trong xác trẻ nhỏ và những kẻ điên cuồng, v. v., thì bởi cái xác ấy ngăn trở, nên chẳng làm được việc theo tính nó ; cũng như cái đục cùn của thợ, cây bút hư của học trò, thì thợ chẳng chạm chi được, học trò cũng cóng tay vậy. Trò còn ngại hết.

Luận : — Trò giải nghe cũng có ý gấm ; song còn điều này : là ta chết rồi, thì linh hồn còn sống mà lãnh phần thưởng hay là chịu phần phạt tùy việc làm hồi còn

sống ở thế : sự ấy khó lòng hung. Không biết ta phải làm gì cho ngày sau linh hồn được thưởng, khỏi bị phạt, chớ phải chơi đâu, hè ?

Nghị : — Hẳn thật điều ấy là việc can hệ nhứt cho ta đó, trò ơi ! vì Đấng tạo hoá sanh ta ra ở đời này chủ ý cho ta nhìn biết Ngài mà thờ phượng, hầu sau ta được thưởng và khỏi phạt vô cùng ; nên ta phải tìm Ngài mà khâm sùng kính mến, hầu sau Ngài thưởng ta.

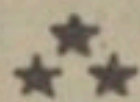
Ấy là chính việc ta phải làm gấp bây giờ, kéo dể sau không kịp.

Luận : — Mà Đấng tạo hoá ở đâu, ta biết đâu mà tìm cho nhằm, trò ơi ! Trong nước ta kẻ thì thờ vì nầy, người thì thờ vì nọ, chả biết đâu là chơn chính, vậy ta phải tin đâu, trò hè ?

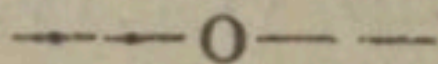
Nghị : — Thật ta còn nhỏ, trí mọn tài kém chẳng thuộc kinh sử, không biết gốc ngọn các vì trong nước ta kính thờ, nên khó rõ Đấng đầu cội rễ là đâu ; ta vậy phải trình thầy giáo xin chỉ giùm cho ta, may ta tìm được Đấng ta phải khâm sùng, chắc ta có phước.

Luận : — Phải, trò nói vừa ý tôi quá. Hè, ta vô thừa thật cùng thầy giáo mọi sự ta nghị luận với nhau mấy bữa nay, rồi ta xin hỏi các vị thiên hạ kính thờ trong nước ta có phải là Đấng đầu cội rễ chẳng ; nếu phải thì ta thờ ; bằng chẳng, thì ta xin thầy chỉ cho ta biết.

Nghị : — Được ; tôi sẵn lòng đi với trò, và cũng tìm hỏi cho kỹ. Vả Thầy giáo ta thông sử truyện lắm, bề nào thầy cũng giải chẳng không đâu.



VI. — Các vị nước nầy thờ chẳng phải là Đấng tạo hoá..



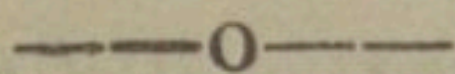
Nghị-Luận : — Trình Thầy, mấy bữa nay hai anh em tôi bàn luận suy xét với nhau, thì biết có Đấng dựng nên trời đất muôn vật, và biết Đấng ấy trọng vô cùng, đáng cho ta kính thờ ; lại cũng quyết rằng : có thờ Ngài thì được thưởng, bằng chẳng thì phải phạt, v. v... Mà còn điều nầy chẳng bàn định được, là không biết

Đấng ấy ở đâu mà tìm, vì trong dân ta thờ nhiều vị lắm; phần chúng tôi còn nhỏ, trí mọn tài kém, sử truyện không thông, nên chẳng biết đâu là trúng; vậy hai anh em tôi rủ nhau đi trình Thầy, ngửa xin Thầy chỉ giùm Đấng nào là đầu cội rễ mọi sự, và xin Thầy đừng quở hai tôi rằng: xấu láu.

Thầy giáo: — Hả hả hả! ầy cha chả! hai trò còn nhỏ, mà đã biết suy xét việc cả thế dường ấy! ta mừng lắm, vì thấy học trò tấn phát đổi nầy. Thôi, hai trò muốn hỏi sự gì, ta sẵn lòng giải, chớ ngại chi.



**A. — KHỔNG-TỬ CHẴNG PHẢI LÀ Đấng
TẠO HOÁ CŨNG CHẴNG PHẢI THÁNH THẦN.**



Hai trò: — Dạ, thưa Thầy có lòng khoan dung làm vậy, hai anh em tôi cảm ơn lắm, Vậy dám thưa Thầy, trong dân ta mấy người văn nho có lòng sốt sắng kính thờ đức thánh Phu-tử lắm; mà không

biết Ngài có phải là đáng đầu cội rễ đáng cho ta kính thờ chăng ?

Giáo sư : — Uý chà ! Hai trò có lòng cung kính ông Khổng-tử, đã dữ hê ? đến đôi gọi là đức thánh.

Hẳn thật ông Khổng-tử là một người quân tử giỏi đời xưa bên nước Tàu, có trí sáng, siêng học, biết nhiều chữ, chép nhiều sách vở, dạy nhiều điều phong hoá theo luật tự nhiên, cũng như mấy người quân tử bên Tây xưa, là Sênêca, Aristotêlê, v. v. mà thôi. Vốn thật ông ấy chẳng phải là đáng đầu cội rễ, cũng chẳng phải là thánh thân gì, nên chẳng đáng kính thờ.

Hai trò : — Uý đức Khổng tử *sinh nhi tri chi*, (sinh ra tự nhiên biết), có sao Thầy nói : Ngài siêng học, biết nhiều chữ ?

Giáo sư : — Ha ha ! hai trò quên câu trong sách TAM-TỰ-KINH : « *Tích Trọng-nê sư Hạng thác*, » đi sao ? Nghĩa câu ấy là : xưa người Trọng-nê, (là tên quai nôi của Phu-tử đó,) là học trò của thầy Hạng thác ; vậy nếu ông sinh ra liền biết đủ, thì còn phải có ông thầy Hạng-thác làm

chi ? Lại chính mình Phu-tử cũng nói :
« *Ngô thập ngũ nhi chi ư học* », là ta đến
mười lăm tuổi mới lo chuyên việc học.
Vậy ông cũng ăn học như các trò bây giờ,
có khác gì ?

Hai trò : — Mẹ cha ôi ! Vậy mà bấy lâu
nay chúng tôi tưởng đức Phu-tử đặt chữ
nho ra cho người ta học bây giờ đây chớ !

Giáo sư : — Lầm như thế, mới tức cười ;
cũng như các học trò học chữ quốc ngữ
bây giờ, thấy sách vở của ông Trương-
vĩnh-Ký nhiều, thì nói với nhau : ông
Trương-vĩnh-Ký đặt ra chữ quốc ngữ ;
mà vốn chữ quốc ngữ đã có trước lâu
năm khi ông ấy chưa sinh ra.

Hai trò : — Dạ thưa Thầy, đức Phu-tử
dẫu không đặt chữ, thì có công chép nhiều
sách dạy đời, ắt cũng nên kính thờ Ngài
chớ ?

Giáo sư : — Chẳng nên thờ, vì chẳng phải
là Chúa tể càn khôn ; bởi ông có cha có
mẹ, là ông Thúc-lương-Hột và bà Nhan-
thị ; có vợ có con, rày dèng dỗi ông cũng
còn bên nước Tàu.

Còn ông có công chép sách dạy người

ta, thì sách ông có sánh với các sách mấy người thông thái đời bây giờ, ắt sách ông thua xa. Để ta kể cho hai trò nghe.

1 — Sách của ông Không-tử chép là *Ngũ-kinh*, *Tứ thư*, mà *Tứ thư*, thì trừ *Đại-học*, *Trung-Dung*, là của ông Châu-tử và Tuân-tử soạn lại ; và sách *Mạnh-tử*, là của thầy Mạnh-tử.

Nhưng vậy các sách ấy bị cháy đời Tần-thỉ-hoàng sạch tuốt, đến đời nhà Hán, vua Vưu-Đế truyền góp mảnh mún còn sót, và những bài người ta còn thuộc lòng mà chép lại, nên chẳng còn y như trước ; lại sách *Thơ-kinh* đời Võ-đế cũng sửa lại nhiều nơi. Ấy vậy sách tam sao còn thất bốn thay, huống lựa là sách chép góp mấy mẩu mún và đọc thuộc lòng mà chép ?

2 — Vả lại cứ sách ông Không-tử mà tìm Đấng đầu cội rễ, thì tìm cũng chẳng ra ; vì nói mập mờ mình mong rằng : Đấng thượng đế, Chúa tể, Thiên mạng, v. v... mà thôi, chẳng chỉ chắc chắn ; nên dạy kính thờ vua chúa, cha mẹ, quỉ thần, tiên tổ, v. v., và nhắc tích cổ như thờ thần

nọ bụt kia; hoá ra Khổng-tử chẳng biết đáng nào là Đấng Chúa tể cần khôn cho chắc, lại đặc thiên hạ thờ lăm trăm món! Vậy còn theo sách ông làm chi?

3 — Trong các sách ông Khổng-tử cũng dạy những điều chẳng hiệp nhau; như nhận ông Bàn-cổ là nguyên tổ loài người, sách sử nói ông ấy bởi không mà sanh ra, rồi mới phân ra trời đất; còn sách Kinh-dịch rằng: có trời đất rồi mới có ông nguyên tổ loài người. Mà sách Kinh-thi lại nói: trời sanh chúng dân v. v. Vậy tin theo sách nào?

Luận nói với *Nghị*: — Trò nói nhằm, thiệt Thầy giáo ta thông sử truyện dữ hè?

Nghị: — Trò cứ chứng bôn chôn: để Thầy giải phân cho mà nghe, đừng có nói xía vô mà...

Giáo sư liền tiếp: 4 — Dẫu cho sách ông Khổng-tử có dạy những điển phong hoá, biểu người ta giữ tam-cang ngũ-thường, ở nét na đức hạnh. v. v đi nữa, mà bởi sai lăm những điều cả thể, như nói: hồn người ta sau tan ra khí, hoặc ra thần ra quỷ, v. v., thì tự nhiên sách ấy mất danh

giá, chẳng đáng khen là bao nhiêu. Chỉ như các sách dạy phong hoá đời bây giờ chẳng thiếu chi sách tốt, chẳng sai lầm việc cả thể chút nào, thì đáng khen đáng học hơn.

5 — Vả ta bây giờ có muốn nên văn minh, thông thiên đạt địa, muốn biết nghề cơ xảo với các nước thế gian, mà cứ ôm chữ nho mà học, ắt mãi đời cũng chưa biết chưa thông: vì phần thì sách nho chẳng dạy chi đến các điều ấy; phần thì chữ nho lắm nhiều chữ, học lâu năm mới biết chữ ít nhiều. Chỉ như bây giờ ta có chữ quốc ngữ, học mau biết mau thông; lại có sách dạy những điều thiên văn địa lý, các nghề cơ xảo, v. v.

Vậy thì thà học các sách quốc ngữ đời bây giờ, hơn là học sách nho kể truyện đời xưa vô ích.

Hai trò : — Dạ thưa Thầy, có sao các đáng hiền như xưa chẳng dạy những điều về thiên văn địa dư, cùng các nghề cơ xảo, hè ?

Giáo sư : — Đời các ông đã biết những điều ấy đâu mà dạy ?

Các ông ấy tuy là quân tử giỏi chữ nghĩa, học hành nhiều, mà cũng là học bất túc mà thôi ; các ông tưởng trời khum như mu rùa ; tưởng đất bằng như tờ giấy trải ; tưởng là trời đất là cha mẹ sanh ra hơn loại cùng muôn vật v. v. Đời các ông những kết bè mà qua sông qua phá, có tàu ghe, xe lửa xe hơi v. v. như đời bây giờ đâu ? Kia coi : việc sắm sết đông tổ cùng sự nhứt thực nguyệt thực v. v. đời bây giờ thiên hạ đều biết tại có nào, nên chẳng áy náy lo sợ chi cả ; còn đời xưa, bởi chưa thông việc thiên văn, nên lo sợ lắm ; chính ông Khổng-tử là kẻ giỏi nhứt, song cũng không rõ việc đông tổ sắm sết làm sao, nên khi trời phát đông, thì ông ấy đổi y phục và ngồi tề chỉnh, vì rằng : « *hình lòng trời kéo giận.* » Còn khi có nhứt thực nguyệt thực, thì cả thiên hạ bối rối, rằng con rồng nuốt mặt trời hay là mặt trăng ; nên hỏi nhau la lối đánh trống đánh mả la mà cứu ; ấy kẻ đời xưa thua người đời nay dường nào !

Hai trò : — Dạ thưa Thầy, vậy sao dân ta cứ chữ nho sách tàu mà học ; lại thi

cử chi cũng cử chữ nho ; giấy tờ bằng thi
chi cũng cử chữ ấy mà dùng ?

Giáo sư : — Các trò quên sử ký nước
Nam hay sao ?

Vốn nước ta xưa phải làm tòi nước Tàu
hơn một ngàn năm, là từ năm một trăm
mười một (trước hiệu Giáng sanh) đến
năm chín trăm hai mươi ba, (sau hiệu
Giáng sanh) ; và sau cũng phải làm tòi
nó ghe phen ; lại dầu khi khỏi làm tòi
nó, được ở thông dong, song cũng phải
cống sứ và nhận mình làm chư hầu nó ;
nên hằng theo thói tục nước nó, nó bày sự
gì, liền tin sự ấy ; lại vì nước ta không có
chữ, nên phải mượn chữ nó mà học,
đặt biên chép, làm giấy làm tờ, v. v.

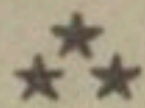
Bởi đó lâu năm thành lệ, từ vua quan
chí dân, đều phải học chữ Tàu, mới nên
người thông minh chút đỉnh.

Vả rày ta có chữ quốc ngữ dễ học, và rõ
ràng theo tiếng nôm giọng nói ta, tưởng
ít lâu nữa nhà nước ta sẽ bỏ chữ nho, dùng
nội chữ quốc ngữ mà thi cử, làm tờ thi,
v. v., nên hằng thúc giục dân học chữ quốc
ngữ, và dạy trường học chữ ấy mọi nơi.

Hai trò : — Hỉ hỉ hỉ ! Có được vậy thì may lắm, vì học chữ nho lâu lắc, mà chưa biết chi cả. Vả lại bởi hai đứa tôi hỏi dẫn lân Thầy hoài, nên đã sai việc chính ý muốn hỏi, là đức Phu-tử có phải là đáng đầu cội rễ đáng thờ chăng ? Nay Thầy biện bạch ông ấy là người phạm thể, chẳng đáng cho ta phượng thờ ; còn sách vở ông ấy cũng thua các sách những người thông thái đời này, thì thôi ; chúng tôi không tin tưởng như xưa nữa.

Nay chúng tôi muốn hỏi Thầy một vị nữa có đáng thờ chăng ? Song xin để bữa sau, vì bây giờ đã đói bụng, xin về nhà nghỉ ?

Giáo sư : — Được ; các trò muốn hỏi vị nào mặc ý, thôi thì về bữa sau sẽ hay.



B. — PHẬT CHẲNG PHẢI LÀ ĐÁNG TẠO HOÁ,

—O—

Hai trò : — Thưa Thầy, bữa trước Thầy nói ông Phu-tử chẳng phải Đáng tạo hoá càn khôn, cũng chẳng phải là thánh thần chi ; còn sách vở của ông ấy có so

sánh với các sách đời bây giờ thì thua xa, vì thiếu những điều cách trí, bác vật, bá nghệ, v. v., nhứt là thiếu các điều cả thể sau này : là chẳng chỉ rõ Đấng tạo hoá cần khôn, và phải phượng thờ Ngài làm sao ; cũng chẳng chỉ rõ đời sau có thưởng phạt v. v. Chúng tôi nghe hiểu rồi, nay muốn hỏi Thầy một vì nữa, hoạ may có phải là Chúa tể cần khôn, đáng kính thờ chẳng ; hơn thấy nhiều kẻ khâm sùng sốt sắng lắm : vì ấy là Phật, xin Thầy dẫn gốc tích.

Giáo sư : — Uy chà ! hai trò bộ muốn lên chùa đi tu đây bê ? Phật là người nước Thiên-trước (*Inde*, ta quen gọi là Kỳ-lin, đen hoen như cột nhà cháy), là con ông Tịnh-phạm-Vương và bà Ma-đa-thị ; sanh ra đời nhà Châu, vua Chiêu-vương, năm thứ 24, ngày mồng 8 tháng tư. Tên Phật là Mâu-ni, cũng gọi là Nhẫn-nhục, và có khi kêu là Thất-thư-da-ra (tiếng Kỳ-lin), sau mới gọi là Thích-ca. Khi Phật khôn lớn thì cưới 3 vợ là Da-thị, Như-ra, và Go-pha ; còn nở tùy thiếp không hơi dâu mà kể tên ; con trai Phật là La-hầu-la.

Bồi Phật chẳng trình khiết chi, và cũng dốt, sợ người ta khinh, bèn trốn lên núi Tuyết-sơn săn bắn ngao du, cùng lập đạo lạ, tin việc luân hồi, dạy việc hư vô, v. v. Đến 56 tuổi thì mắc bệnh ung độc mà chết khốn nạn trên núi Tuyết-sơn.

Vậy hai trò nghe gốc tích Phật rồi, ắt chẳng tưởng Phật là Đấng tạo hoá, cũng nỗ phải là thánh thần chi.

Hai trò : — Oả ! thưa Thầy, gốc Phật ở bên Kỳ-lin, có sao nước Nam ta cũng có kẻ thờ ?

Giáo sư : — Nước ta có kẻ thờ Phật là tại bắt chước Tàu, còn Tàu thì tại vua Minh-đế : số là đời vua ấy lên trị nước, bèn cho sứ đi tìm thánh nhơn bên cõi tây ; chẳng may sứ ghé vào nước Thiên-trúc, lãnh kinh Phật và cốt Phật đem về cho vua mà dối rằng : đó là thánh nhơn. Vua liền dạy lập chùa miếu mà thờ kính dường bằng chúa tể ; sau cũng có kẻ theo ý vua mà thờ, lần hồi thành thói.

Vả có tích này càng tỏ ra gốc kẻ thờ Phật chẳng phải là danh giá gì ; số là đời vua Kiến-tông có lòng sùng Phật lắm,

muốn cho nhiều kẻ ăn chay tụng kinh niệm Phật, song chẳng mấy ai thêm nghe theo, thì bắt quân tù phải vào ở mấy chùa mà lo nhang đèn tụng kinh, v. v. Lần hồi quân tù cũng mỏi, nên trốn hết, vua bèn ra chiếu chỉ, hễ tù nào phải vào ở chùa, thì bắt cạo tóc đầu, đặt nó trốn đâu, thì biết mà bắt lại; cùng bắt nó phải gõ mõ động chuông mọi giờ cho biết nó còn ở hay là đã trốn rồi.

Ấy gốc tích các thầy chùa là như thế!

Còn về nước Nam ta, thì đời Lý-phật-Ma, hiệu là Lý-thái-Tông, tức vị độ năm 1028, cho sứ qua Tàu tiến công thọ phong; vua Tàu trả ơn cho vua ta pho sách kinh Phật gọi là *Tam tạng*, cùng bày cách thờ Phật cho Annam ta bắt chước.

Vua Lý-thái-Tông được sách kinh Phật bèn mừng, và dạy cất chùa thờ Phật, lại ban ơn cho kẻ vào tu ở chùa khỏi sưu thuế; lần hồi nhiều kẻ hoang đảng, sợ quan bắt gia hình, thì vào chùa mượn tiếng thờ Phật mà ăn thân; sau vua cũng ban lương điền cho các chùa, thì mây đứa làm biếng lại vào đó nhờ hơi Phật cho

sương xác, v. v. Ấy gốc sự thờ Phật trong nước ta thì làm vậy; bởi đó trong kinh các thầy chùa quen đọc, thì có câu rằng: *Nam-vô-A-di-đà-Phật*, hay là *Nam vô chi Phật*: nghĩa là nước Nam chẳng có Phật-di-đà; mà thầy chùa hay nói trại rằng: *mô Phật, Nam mô chi Phật*.

Hai trò: — Vậy thì thôi nỡ cần chi phải hỏi về đạo lý của Phật, vì chắc đó là tà đạo, không đáng giữ đáng tin. Nay hai tôi xin hỏi Thầy vài việc khác, vốn dân nước ta quen làm quen giữ và tin cậy hơn, mà chúng tôi không rõ có nhằm đạo lý chăng. Nhưng vậy, xin để bữa sau nói cho lâu dài xét lẽ.

Giáo sư: — Được; hai trò muốn về thì về, để bữa sau hỏi việc gì mặt tích.



C. — VIỆC CÚNG QUẢ LÀ ĐIỀU VÔ ICH.

Hai trò: — Dạ thưa Thầy, hôm trước hai tôi muốn hỏi Thầy ít việc thường thấy dân ưa hạp lắm, mà sợ Thầy nhọc; nay hai tôi dám xin Thầy mở lượng

khoan duông, dẫn giải cho chúng tôi hiểu hách. Vốn chúng tôi rõ biết ông bà tổ tiên ta chẳng phải là Đấng tạo hoá, vì cũng là loài thọ sanh; nhưng mà việc đơm tể quả cúng ông bà cha mẹ, có phải là việc nên làm, cũng có nhằm lý và có ích chi cho ông bà cha mẹ chẳng?

Giáo sư: — Hả hả hả! Hai trò khéo khuấy! thường thiên hạ quen rằng: mở miệng mắc quai nón, nghĩa là dầu việc đáng nói cho người ta biết kéo lằm, mà không dám mở lời ra cho hẳn, vì sợ mịch lòng; việc hai trò hỏi đó, ta có muốn nói cho phân minh, kẻ khác nghe được sẽ trách móc; hơn bởi dân ta có lòng thảo kính cha mẹ ông bà lắm; mà ngặt khi ông bà cha mẹ quá vắng rồi, con cháu chẳng biết phương chi mà báo hiếu thảo tình thương, bèn mượn việc đơm tể quả giỗ, là việc dân Tàu đã bày ra cho dân ta thuở trước; vẫn xưa bày làm sao, nay làm theo như vậy, mà chẳng suy xét việc ấy có nên có nhằm lẽ, và có ích gì cho ông bà cha mẹ chẳng. Bởi đó từ dân ngu cho chí kẻ ăn học thông minh, đều lấy

việc đơm tể quải giỗ ông bà cha mẹ làm việc báo hiếu lắm.

Hai trò : — Dạ thưa Thầy, phần chúng tôi trí thiếu dạ ngu, quyết theo Thầy học cho nên người văn minh lý sự, nên hễ điều gì thắc ngại, liền xin Thầy phân giải cho tường lòng, hầu bỏ những việc chẳng nên, và chọn những điều phải lẽ ; chí như thiên hạ ai muốn làm thể nào thì mặc họ ; họ cũng có trí đủ mà xét việc thị phi ; bằng họ có lòng nghi, thì chúng tôi cũng bắt chước Thầy mà giải phân cho họ.

Giáo sư : — Được ; nếu hai trò có lòng thẳng ngay, muốn việc rõ thị phi như thế, ta mừng, cùng sẵn lòng dẫn giải ; sau có ai hỏi, thì hai trò biện bạch cho họ nghe ; may dân ta bớt những việc dị đoan, cùng biết đường trung chánh.

Vậy việc cúng tể quải giỗ, thật là việc chẳng nên, cùng là phi lý, lại chẳng có ích gì cho ông bà cha mẹ.

1 — *Là việc chẳng nên :* Vì chính Đấng ta phải tể tự là Chúa tể cần khôn ; mà cha mẹ ông bà ta là loài thọ sanh, chẳng phải là Đấng đầu cội rễ ; vậy ta tể tự ông bà

cha mẹ ắt là lỗi nghĩa cùng Đấng tạo hoá mà chớ. Giả như tên dân nào chẳng chịu nạp thuế cho vua, một nạp cho kẻ khác, thì vua có phạt tội bất trung nó chẳng ?

2 — *Là việc phi lý* : Vì vật hữu hình dùng của hữu hình ; còn vật vô hình, thì chẳng ăn chẳng nhờ của hữu hình ; vậy linh hồn ông bà cha mẹ là vật thiêng liêng, ắt ăn uống của hữu hình, cơm, cá, thịt, rượu, chẳng đặng. vậy thì cúng quả có phải là làm việc phi lý chẳng ?

Vả như linh hồn ông bà cha mẹ về ăn của con cháu quả giỗ, cứ sao chẳng hỏi han nói năn dăn bảo con cháu lời gì ? Về hồi nào, và lên đi khi nào, cũng chẳng cho con cháu biết ? Vậy ông bà cha mẹ qua đời rồi, thì quên phép lịch sự cùng quên ơn nghĩa đi sao ? Cơ cực ! hễ thấy con cháu dọn đồ quả giỗ và vái ít lời rồi, thì xăm xúi về ăn uống, đoạn sắp cật đi mất, mà chẳng nói lời gì cảm ơn từ giã con cháu, thật đã nên buồn cười chưa ?

Sau nữa nếu ông bà cha mẹ về ăn của cúng quả cứ sao bùng lên thề nào, bùng xuống cũng còn nguyên vậy ? Hay là nói :

ông bà cha mẹ hưởng cái hơi mà thôi. Nếu nói như thế cũng phi lý nữa. Vì dầu cái hơi cái khói thì cũng là vật hữu hình, linh hồn dùng chẳng được; như ta ăn uống không được bùn dơ nước nhớt, thì cũng chẳng ưa ngửi mùi nó nữa; phương chi linh hồn thiêng liêng lại ưa ngửi mùi đồ ăn dưỡng xác?

Hai trò : — Uý chà ! Thật thì dân ta làm việc đã chẳng nên và phi lý hung đi hè ? Mà còn sự vô ích làm sao nữa, xin Thầy nói luôn thể.

Giáo sư : 3 — Vô ích : là ông bà cha mẹ chẳng nhờ chi được của con cháu quải giỗ : vì khi ông bà cha mẹ qua đời rồi, thì linh hồn hoặc được Đấng tạo hoá thưởng ở nơi vui vẻ hưởng phước thanh nhàn; hoặc còn phải giam cầm đặng đền các lỗi nhẹ, rồi mới được hưởng phước; hoặc rủi phải trầm luân chịu phạt đời ôời.

Vậy nếu linh hồn ông bà cha mẹ đã được thưởng, đặng hưởng muôn phước tiêu sái vô cùng, thì còn thêm mong tưởng chi đến của hèn đời này mà về ăn ? Giả như đĩa dòn nghèo mạt ở xó bụi bờ,

mặc áo quần rách nát tả tơi, ăn những cơm nguội, trái sung mắm thúi, v. v., may đâu nó lập được công trạng, vua ban thưởng cho nó lâu cao, nhà rục rỡ, ăn những đồ mỹ vị, thịt cá chả nem, v. v., mặc những áo quí báu sô sa hàng gấm, v. v., lẽ nào nó lại đại muốn trở về ăn mặc đồ cũ của nó chẳng? Mà dầu có đưa ngu ngốc làm như thế thì mặc lòng; chỉ như linh hồn đã được hưởng phước thanh nhàn của Đấng tạo hoá thưởng cho, thì không phép nào mà muốn trở về ăn của cúng quả được; vì linh hồn là tính thiêng liêng không dùng của hèn đời này đặt.

Bằng linh hồn ông bà cha mẹ còn phải giam cầm mà đền các lỗi nhẹ, rồi mới được thưởng, thì làm sao về được mà ăn? Lại có thêm đồ cá thịt xôi chè đậu, chỉ trông mong mau ra khỏi đó, đặt lên nơi phước lộc mà thôi. Ví dụ như có ai rủi té xuống sông, bơi vò bờ chẳng đặt, hai tay chơi với, miệng la làng xóm, xin cứu vớt cho mau; nếu con cháu người ấy thấy vậy chằng tìm phương cứu vớt, một chạy về nhà nấu cơm xôi, thịt rệu, v. v.

bưng để trên bờ lạy vái biểu lên mà ăn ; ai thấy vậy mà không buồn cười, không mắng nó là đồ ngu ngốc điên cnồng chẳng ?

Luận : — Hả hả hả ! Nếu người dưới sông đó có lên bờ được, ắt sẽ đập cái thằng khờ khạo ấy chắc !

Nghị : — Trò cứ nói lằng xằng hoài ! hãy để Thầy giải mà nghe...

Giáo sư tiếp : — Nếu linh hồn ông bà cha mẹ rủi phải tay Đấng tạo hoá phép tắc vô cùng luận phạt vì tội lỗi đã làm khi còn ở thế, thì ô hô ! phải chịu giam cầm khốn nạn đời đời, lẽ nào về được mà hưởng của con cháu cúng quải ? Kìa tù phạm bị giam nơi khám, còn trốn chẳng được thay, phương chi linh hồn phải Đấng cao cả phép tắc vô cùng giam phạt ?

Vậy việc cúng quải cho ông bà có phải là việc vô ích cho ông bà cha mẹ chẳng ?

Hai trò : — Dạ thưa Thầy, nghĩ suy cho chín chắn, cứ lý mà dẫn đo như thế, thì rõ việc quải giỗ vô ích thật ; nhưng vậy dân nước ta lấy việc ấy là việc hiếu, vì nhớ xưa ông bà cha mẹ ngồi ăn với con

cháu, nay làm vậy đặng tỏ lòng nhớ đến mà thôi, tưởng cũng được chớ ?

Giáo sư : — Hai trò đã biết việc hiếu là làm sao ; hiếu khi cha mẹ còn sống là : cung kính, vâng lời, dưỡng nuôi, giúp đỡ, v. v., còn hiếu khi cha mẹ qua đời là : noi thừa gương lành thói tốt cha mẹ mà làm theo ; giữ lời cha mẹ trời phú di chúc trong việc tương phân gia sản ; nhớ công ơn cha mẹ sanh thành dưỡng dục, mà lo phương cầu khẩn cho linh hồn cha mẹ được hưởng nơi tiêu sái, v. v. Chí như việc dọn cá thịt xôi chè mà quảỉ giỗ, thì linh hồn cha mẹ chẳng nhờ chi, nào có ích gì mà gọi là hiếu ?

Phải như việc ấy là hiếu, có sao khi cha mẹ còn sống mà đi khỏi phương xa lâu ngày, thì con cháu chẳng làm như thế mà báo hiếu ?

Vậy quả thật việc cúng quảỉ giỗ chạp chang phải là hiếu, một là việc dị đoan, nên phai bỏ cho rồi, chớ làm chi nữa mà tốn kém vô ích.

Hai trò : — Dạ thưa Thầy, việc đơm tế quảỉ lạy, Thầy phân giải chúng tôi đã

hiều rồi ; còn một việc nữa chúng tôi đã xin hỏi ; song nay nói chuyện đã lâu dài xin để ngày mai chúng tôi sẽ hỏi.

—o—

D. — VỀ TIỀN GIẤY VÀNG BẠC.

—o—

Giáo sư : — Bữa qua hai trò ra về có nói : để sẽ hỏi ta một việc nữa ; ta ngẫm nghĩ đêm nay cũng giựt mình, chẳng biết hai trò sẽ hỏi điều gì khó lòng chẳng ; nay hai trò tới đây, ta muốn biết hai trò hỏi sự gì thì nói thật cho mau.

Hai trò : — Dạ thưa Thầy, chúng tôi muốn hỏi việc đốt giấy tiền vàng bạc cùng áo xống bằng giấy ; người ta truyền rằng : đốt làm vậy là gởi bạc thiệt vàng thiệt, áo xống thiệt cho linh hồn ông bà cha mẹ ở âm phủ đặng nhờ.

Vậy việc ấy có thật cùng chẳng, xin, Thầy giải cho chúng tôi rõ.

Giáo sư : — Hả hả hả ! Tưởng là các trò hỏi điều chi mắt mỏ, nên cả đêm lo sợ giấc chẳng an ; ai dè hỏi việc đốt giấy tiền vàng bạc !

Quả dân nước ta cả nghe theo lời người Tàu, và tin tưởng nó mọi bề, hễ nó truyền điều gì, dầu phi lý, dầu là việc mị mông dị đoan, thì cũng tin chắc chắn mà chẳng suy xét việc ấy nên hư thị phi thể nào. Lại dầu nay nhiều kẻ ăn học sách vở Tây-dương, biết nhiều điều về hoá học, bác vật, song đã in trí việc người Tàu bày, nên sách mặc sách, cứ tin lời Ngô mà thôi, lại cố chấp rằng: xưa bày nay làm; thiên hạ làm sao, phải theo làm vậy, kéo họ cười, v. v...

Vã nay hai trò mới học cùng ta chưa biết chi là bao lắm, mà trí hoá mở mang, muốn tìm kiếm những điều kẻ thông minh chưa hề xét đến, thật ta vui mừng lắm; ước hai trò khi rõ việc thị phi sẽ doãn lại cho người ta biết với; may lần hồi dân nước ta hết tin lời Khách-ngô mà bỏ bớt những điều dị đoan huyền hoặc.

Hai trò: — Dạ thưa Thầy, hễ chúng tôi nghe Thầy phân giải điều chi, về nhà chúng tôi hằng nói lại cho cha mẹ anh em nghe cả; nên nếu chúng tôi biết được việc đốt giấy tiền vàng bạc là điều vô ích uổng

tiền, ắt chúng tôi về nói liền, kéo mẹ đi chợ thường mua thứ ấy; nhứt là chợ tết cùng mấy bữa rằm.

Giáo sư : — Được; vậy càng tốt; để ta giải cho mà nghe.

1 — Tiền bạc là vật hữu hình, để cho người ta ở thế dùng mà mua đồ nọ vật kia; mà các trò đã biết linh hồn là tính thiêng liêng dùng tiền bạc hữu hình sao được?

2 — Nếu linh hồn cha mẹ dùng tiền bạc được, thì con cháu phải gởi bạc thiệt vàng thiệt mới phải, có sao gởi bạc giả vàng giả? Như ở đời này đứa con nào dám phỉnh cha mẹ đưa đồ giả mà nói đồ thật, thì có đáng khen chăng?

3 — Đốt giấy tiền vàng bạc áo xống rồi, thấy một đồng tro, nào có thấy biến hoá ra giống gì? Có sao nói dưới âm-phủ trở ra vàng thật bạc thật? Lấy đâu mà làm chứng điều ấy? Tro ấy ai đem xuống? Và làm cách nào cho ra vàng thật bạc thật?

Các trò ít lâu nữa sẽ học đến sách Hoá-học, là sách dạy chế thứ nọ vật kia cho thành một vật khác; lại sẽ học sách Bác-

vật, là sách dạy luận về tánh vật nọ giống kia, coi trong vật ấy có những món gì, như trong nước có những thứ gì vật gì, trong đá sắt có thứ gì, v. v...

Mà người Tây-dương nhứt là đời bây giờ thật là giỏi trong việc Bác-vật, và Hoá-học hơn người Tàu bội phần; song họ chưa hề tìm được vàng bạc trong tro giấy; và cũng chưa gặp được cách lấy tro mà chế ra vàng bạc; chửn có chú Tàu giỏi bày đặt phỉnh người Annam rằng: đốt giấy vàng bạc ra tro liền hoá ra vàng bạc thiệt cho ông bà cha mẹ nhờ, đặng nó bán giấy ấy cho đắt tiền mà thôi.

Vậy có phải là tin Ngô bày điều dị đoan mà mang điểm nó không? Nó đem đồ giả bán cho ta mà lấy bạc thiệt đem về làm giàu bên nước nó, có phải là khôn không? Cớ sao ta có trí mà không suy để mang điểm ba chú Khách?

Hai trò: — Dạ thưa Thầy, bởi người Annam có lòng hiếu thảo với cha mẹ ông bà, khi nghe điều gì giúp được ông bà cha mẹ thì làm mà quên xét, lại tính có mua giấy vàng bạc cũng không tốn bao lắm,

vì có một đạo ấy kính thờ chính Đấng tạo hoá cần khôn vạn vật, cùng dạy đủ mọi điều đáng làm người ở đời này phải giữ cho ngày sau được thưởng mà khỏi bị phạt. Hai trò có muốn biết ít nhiều về đạo ấy, thì hãy coi cái tập, « CHƠN ĐẠO ĐẠI ÍCH » mà suy nghiệm cho chín chắn, đoạn mua cuốn sách « CHƠN ĐẠO TỰ CHÚNG » và sách « ĐẠI NGUYÊN » mà coi, thì rõ đạo ấy thế nào ; rồi có điều chi thắc ngại muốn hỏi, thì hãy đến cùng các ông Linh mục ; các ông ấy sẵn lòng dẫn giải chỉ bày cho.

Nay ta cho hai trò một bài phú nôm na nói : hễ xem thấy các vật ở đời này, thì phải xét có Đấng sanh thành vạn vật, đặt hai trò ngàm nga mà chơi cho giải trí.

Thôi thôi, hai trò về bình an sức khoẻ, lo học hành đạo lý cho tinh thông ; khi hai trò đã rõ việc thử chung, thì hãy phân giải cho đồng liêu biết với.

Kiến vật tầm nguyên phú.

(*Hễ thấy muôn vật hãy tìm Đấng cội rễ*).

Hỡi người hữu trí,

Sao dám vô tình ?

Mắt xem qua thoáng coi bầu thế giới ;

Lòng nghiệm lại ắt biết có Đấng sanh thành.

Kìa chắt ngất thanh thiên, che khắp bốn phương, cao vợi vợi ;

Nọ minh **m**ông bạch địa, chở đầy muôn vật, rộng thình thình.

Ngàn cảnh tinh thần lâm chiếu ;

Hai vừng nhứt nguyệt quang minh.

Biển biển sông sông, hỏi ao tiếp giải đà nên đẹp ;

Non non núi núi, cây cỏ liên sơn quá đổi xinh.

Chớ n nơi cây nơi đá ;

So le chốn bãi chốn gành.

Chờn vờn hùm xồm đòi ngàn, lưng lấy tiếng loan giọng phụng ;

Uốn éo rồng doanh mấy khúc, lao xao sóng ngạc tằm kinh.

Tiếng búa tiều phu xang lạc cạc ;
Con thuyền ngư phủ nổi linh đình.
Xuân sang, hoa gấm phoir màu, rực
rỡ cụm hồng cụm tía ;
Thu đến, nước trời in thức, sắc sò
dòng biếc dòng xanh.

Đông chí, tuyết sa, mưa gió lạnh ;
Hạ thời, khí nực, nắng trời hanh.
VẬY HỜI NGƯỜI :

Hãy suy cho thấu,
Phải hiểu cho rành :

Kìa lâu các nguy nga, không ai xây
sao nên lâu các ?

Nọ bức tranh khéo léo, chẳng thợ vẽ
đâu có bức tranh ?

Việc quốc chánh chẳng có vua quan,
lấy ai sửa sang chế trị ?

Cuộc cần khôn nếu không Chúa Tể,
đấng nào quản chưởng hoá sanh ?

VẬY HÃY XEM LOÀI HỮU HÌNH HỮU DẠNG ;
Mà nhìn bết Đấng vô xú vô thanh.

Thôi thôi :

Nguyên đệ tử lui về khoẻ mạnh ;
Chúc tôn sư ở lại an bình.

Chung.



Kinh thư phân môn

Hán Châu Tể văn khôn

Sanh ký tử duy

Quang minh

Luong Thiên

Thiên Chúa luận

Khuyến thiện văn

Hiếu kinh Cha mẹ

Nhị luận

Chơn đạo

Vị nhơn

Thơ tiên bạc

Đạo chi đại nguyên

Thánh Giáo Sơn ký điển ca

Như trình Phạm-ân-đi văn

Thập Chung trụ văn

IMPRIMERIE DE QUINHON

— 0 —

Khúc trực phân minh.

	\$
Hữu Chúa Tể càn khôn	0 02
Sanh ký tử qui	0.02
Quang minh	0.03
Lương Thiện	0.02
Thiên Chúa luận	0.02
Khuyến thiện văn	0.02
Hiếu kính Cha mẹ	0.03
Nghị luận	0.03
Chơn đạo	0.02
Vì nhơn	0.03
Thơ tiền bạc	0.02
Đạo chi đại nguyên	0.03
Thánh Giáo Sấm ký diễn ca	0 03
Nhứt trình Phạm-ân-Sĩ, văn	0.02
Thận Chung truy viển	0.03

— 0 —